

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA LUẬT

TÓM TẮT
BÁO CÁO TỔNG KẾT

ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ - T2023

BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM THEO QUY ĐỊNH CỦA
PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN TẠI
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Mã số: T2023 – 04 -36

Chủ nhiệm đề tài: ThS. Lê Thị Phương Trang

Đà Nẵng, năm 2024

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA LUẬT

TÓM TẮT
BÁO CÁO TỔNG KẾT

ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ - T2023

BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM THEO QUY ĐỊNH CỦA
PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN TẠI
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Mã số: T2023 – 04 -36

Xác nhận của Trường

Chủ nhiệm đề tài

Đà Nẵng, năm 2024

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN
THAM GIA NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI VÀ ĐƠN VỊ PHỐI HỢP CHÍNH

Tên đề tài: Bảo vệ quyền trẻ em theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam và thực tiễn tại thành phố Đà Nẵng.

Mã số: T2023 – 04 - 36

Chủ nhiệm đề tài: Ths Lê Thị Phương Trang

Thành viên: Ths Trương Thùy Trang

Thư ký đề tài: Ths Nguyễn Thị Phương Thảo

Đơn vị phối hợp chính: Tòa án nhân dân thành Phố Đà Nẵng.

PHẦN MỞ ĐẦU

1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Vấn đề bảo vệ quyền trẻ em luôn là một trong những chính sách quan trọng hàng đầu của các quốc gia. Để đảm bảo quyền con người, đặc biệt là quyền trẻ em, mỗi quốc gia đều nỗ lực đổi mới chính sách và pháp luật phù hợp. Tại Việt Nam, Đảng và Nhà nước luôn xác định con người là trung tâm trong chính sách phát triển bền vững. Bảo vệ quyền trẻ em được chú trọng trong các chính sách và pháp luật qua từng thời kỳ.

Việt Nam là quốc gia đầu tiên ở Châu Á và thứ hai trên thế giới phê chuẩn Công ước về quyền trẻ em vào ngày 20/2/1990. Việc tham gia và phê chuẩn các văn kiện quốc tế đã thể hiện quyết tâm và trách nhiệm bảo vệ quyền trẻ em. Tuy nhiên, trẻ em vẫn là đối tượng dễ bị tổn thương và xâm hại trong xã hội.

Với sự nỗ lực của hệ thống chính trị và xã hội, Việt Nam đã đạt nhiều thành tựu trong bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạn chế và thách thức trong việc hiện thực hóa quyền trẻ em. Hiến pháp 2013 đã dành một chương riêng về quyền con người, tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho các chính sách bảo vệ trẻ em.

Nhiều văn bản pháp lý đã được ban hành như Bộ luật dân sự năm 2015, Luật trẻ em năm 2016, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Luật phòng, chống mua bán người năm 2011, và Luật An ninh mạng năm 2018. Tuy nhiên, tình trạng trẻ em bị xâm hại và phạm tội vẫn gia tăng. Thống kê của Bộ Công an cho thấy, trong 9 tháng năm 2022, có 1.711 vụ xâm hại trẻ em với 1.806 trẻ em là nạn nhân. Báo cáo từ Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội giai đoạn 2019-2021 cho thấy hơn 4.000 trẻ em bị xâm hại, với 66% ở độ tuổi 13-16.

Hằng năm, số vụ việc xâm hại trẻ em được phát hiện và xử lý đã góp phần giảm bớt tổn thương cho trẻ em. Tuy nhiên cần có biện pháp phòng ngừa, răn đe và trừng trị tội phạm xâm hại trẻ em hiệu quả hơn. Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đã tội phạm hóa nhiều hành vi xâm phạm trẻ em và ưu tiên chính sách xử lý đối với trẻ em phạm tội.

Thực tiễn cho thấy nhiều tổ chức phi chính phủ và tổ chức xã hội đã hoạt động hiệu quả trong bảo vệ quyền trẻ em. Tuy nhiên, tình trạng xâm hại trẻ em vẫn gia tăng về số lượng và mức độ nguy hiểm. Các vụ án liên quan đến trẻ em vẫn chiếm tỷ lệ cao.

Bộ luật hình sự đã đưa ra các chính sách bảo vệ trẻ em, từ xử lý tội phạm xâm hại trẻ em đến ưu tiên trong xử lý trẻ em phạm tội. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khó khăn trong xét xử các vụ án có bị cáo hoặc nạn nhân là trẻ em.

Vì vậy, cần nghiên cứu toàn diện về quyền trẻ em, bảo vệ trẻ em bằng luật hình sự, phân tích những vướng mắc trong áp dụng pháp luật và thực tiễn bảo vệ quyền trẻ em tại thành phố Đà Nẵng. Đồng thời, đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ trẻ em tại Thành phố Đà Nẵng nói riêng và Việt Nam nói chung.

Dựa trên những lý do và căn cứ trên, tác giả chọn đề tài: ***“Bảo vệ quyền trẻ em theo pháp luật hình sự Việt Nam và thực tiễn tại thành phố Đà Nẵng”*** làm công trình nghiên cứu khoa học cấp Trường.

2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

2.1 Tình hình nghiên cứu trong nước

Nghiên cứu về bảo vệ quyền trẻ em trong pháp luật hình sự Việt Nam có thể chia thành hai nhóm: trẻ em là nạn nhân và trẻ em là chủ thể phạm tội.

Các nghiên cứu về bảo vệ trẻ em là nạn nhân tập trung vào việc phân tích các hình thức xâm hại và đề xuất giải pháp phòng chống. Vũ Ngọc Bình (*Phòng chống buôn bán và mại dâm trẻ em*, 2003) nghiên cứu về buôn bán trẻ em thông qua hình thức cho nhận con nuôi. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa (*Về vấn đề lạm dụng trẻ em ở nước ta hiện nay*, 2005) phân tích các dạng lạm dụng như lao động cưỡng bức, tình dục, và ma túy. Nguyễn Phương Lan (*Hành vi xâm hại tình dục trẻ em và vấn đề bảo vệ quyền trẻ em*, 2013) đề cập đến hai mức độ xâm hại tình dục: xâm phạm thân thể và bóc lột vì mục đích thương mại. ĐHQGHN (*Quyền con người - Tập hợp những bình luận và khuyến nghị chung của Ủy ban công ước Liên Hợp quốc*, 2010) tổng hợp các quyền dễ bị tổn thương của trẻ em theo chuẩn quốc tế. Hội thảo khoa học (*Xâm hại tình dục trẻ em ở Việt Nam - nguyên nhân và các giải pháp phòng chống*, 2016) phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp phòng chống xâm hại tình dục trẻ em.

Nghiên cứu về trẻ em là chủ thể phạm tội tập trung vào chính sách xử lý, nhấn mạnh giáo dục và tái hòa nhập cộng đồng. Nguyễn Hữu Thế Trạch (*Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc thiết lập tòa án người chưa thành niên*, 2011) đề xuất thành lập tòa án riêng cho người chưa thành niên để đảm bảo quyền lợi trong tố tụng. Trương Quang Vinh (*Chính sách hình sự áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội*, 2016) phân tích trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi theo Bộ luật Hình sự 2015. Trịnh Tiến Việt (*Miễn trách nhiệm hình sự theo Bộ luật hình sự năm 2015 và những vấn đề đặt ra trong quá trình áp dụng*, 2016) đề cập đến miễn trách nhiệm hình sự và những bất cập trong áp dụng thực tế.

Tóm lại, các nghiên cứu đã góp phần hoàn thiện pháp luật về bảo vệ trẻ em. Tuy nhiên, cần tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về trẻ em là chủ thể phạm tội và các giải pháp thực tế áp dụng tại địa phương như Đà Nẵng. Đặc biệt, cần những nghiên cứu cập nhật và giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ trẻ em theo pháp luật hình sự Việt Nam.

3. MỤC TIÊU ĐỀ TÀI

Đề tài hướng đến giải quyết 03 mục tiêu cụ thể như sau:

(1) Phân tích lý luận về bảo vệ quyền trẻ em trong luật quốc tế và luật hình sự Việt Nam.

(2) Đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thực thi, đặc biệt sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan.

(3) Đề xuất giải pháp pháp lý và thực tiễn nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền trẻ em tại thành phố Đà Nẵng và Việt Nam nói chung.

4. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các quy định hiện hành của pháp luật hình sự về bảo vệ quyền trẻ em.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài bao gồm:

- *Về nội dung nghiên cứu:*

Đề tài tập trung làm rõ các quyền dễ bị tổn thương của trẻ em. Các quy định pháp luật được nghiên cứu được tham khảo từ các điều ước quốc tế về quyền con người, các điều ước

quốc tế về quyền trẻ em, và các văn bản pháp luật liên quan.

- *Về không gian nghiên cứu*

Tác giả tập trung nghiên cứu 1) các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về bảo vệ quyền trẻ em 2) đề tài có sự tham khảo, phân tích, bình luận một số quy định trong các Công ước quốc tế về quyền con người, quyền trẻ em 3) Ngoài ra, đề tài có nghiên cứu và phân tích một số vụ việc điển hình liên quan đến việc bảo vệ quyền trẻ em trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- *Về thời gian nghiên cứu*

Đề tài tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành để đánh giá chính xác thực trạng pháp lý về bảo vệ quyền trẻ em trong giai đoạn 2015-2023.

5. CÁCH TIẾP CẬN, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

5.1. Cách tiếp cận

Đề tài tiếp cận các vấn đề nghiên cứu từ các góc độ sau:

- Tiếp cận từ cơ sở lý luận: Các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về pháp luật bảo vệ trẻ em, các quy định về bảo vệ quyền trẻ em trong các Điều ước quốc tế, các quy định về bảo vệ quyền trẻ em của nước ngoài, các vấn đề lý thuyết từ các công trình nghiên cứu trước đây về bảo vệ quyền trẻ em.
- Tiếp cận từ cơ sở thực tiễn: Đề tài thu thập thông tin từ các cơ quan như Tòa án, Viện Kiểm sát, Công An, và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu như quy nạp, thống kê, phân tích, tổng hợp và so sánh luật học:

Chương 1: Sử dụng phương pháp quy nạp, phân tích và tổng hợp để xây dựng các khái niệm về trẻ em và bảo vệ quyền trẻ em. Phương pháp so sánh luật học được áp dụng để đối chiếu luật quốc tế và Việt Nam.

Chương 2: Sử dụng phương pháp thống kê để thu thập và xử lý số liệu, từ đó phân tích thực trạng pháp luật và thực tiễn bảo vệ quyền trẻ em tại Đà Nẵng.

Chương 3: Áp dụng phương pháp phân tích và tổng hợp để đề xuất các giải pháp khoa học nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền trẻ em.

6. KẾT CẤU BÁO CÁO

Đề tài bao gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về bảo vệ quyền trẻ em và bảo vệ quyền trẻ em theo pháp luật hình sự

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật hình sự về bảo vệ quyền trẻ em tại thành phố Đà Nẵng

Chương 3: Định hướng, các giải pháp hoàn thiện và giải pháp nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền trẻ em.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM VÀ BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ

1.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM

1.1.1. *Khái niệm trẻ em*

Khái niệm "trẻ em" có thể được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau, tùy thuộc vào lĩnh vực nghiên cứu cụ thể. Dưới góc độ triết học, trẻ em được xem là nền tảng cho sự phát triển của xã hội, đóng vai trò quan trọng đối với tương lai của một quốc gia và dân tộc. Từ góc nhìn tâm lý học, trẻ em là giai đoạn đầu trong quá trình phát triển tâm lý và nhân cách của con người, được các nhà nghiên cứu phân loại theo từng độ tuổi cụ thể. Trong khi đó, dưới góc độ pháp lý, khái niệm trẻ em thường gắn liền với độ tuổi và các đặc điểm tâm lý ở mỗi giai đoạn phát triển.

Theo Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền Trẻ em (UNCRC), trẻ em được định nghĩa là những người dưới 18 tuổi, ngoại trừ trường hợp pháp luật của từng quốc gia quy định tuổi thành niên sớm hơn. Các văn kiện pháp lý quốc tế khác như của Liên Hợp Quốc (LHQ), Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và UNESCO cũng xác định trẻ em là người dưới 18 tuổi. Pháp luật của nhiều quốc gia như Trung Quốc và Nhật Bản đều tuân theo chuẩn mực này khi quy định độ tuổi trẻ em là dưới 18 tuổi.

Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam có sự khác biệt khi xác định trẻ em là người dưới 16 tuổi, bao gồm cả công dân Việt Nam và người nước ngoài cư trú tại Việt Nam. Quy định này được ghi nhận trong Luật Trẻ em năm 2016, nhằm phản ánh tình hình hội nhập quốc tế và bảo vệ quyền lợi cho mọi trẻ em sinh sống tại Việt Nam, bất kể quốc tịch.

Từ các góc độ phân tích khác nhau, có thể hiểu rằng trẻ em là những người đang ở giai đoạn đầu của quá trình phát triển, với thể chất và tâm lý chưa hoàn thiện. Do đó, trẻ em cần được pháp luật bảo vệ bằng những quy định đặc biệt nhằm đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện.

1.1.2. *Khái niệm quyền trẻ em và khái niệm bảo vệ quyền trẻ em*

1.2.1.1 *Khái niệm quyền trẻ em*

Lịch sử thế giới đã ghi nhận nhiều nỗ lực đấu tranh vì quyền trẻ em, bắt đầu từ những tư tưởng của Thomas Spence vào cuối thế kỷ 18 về quyền con người và quyền trẻ sơ sinh. Sau Thế chiến I, tình trạng khó khăn của trẻ em châu Âu thúc đẩy sự ra đời của các tổ chức cứu trợ và Tuyên ngôn về Quyền trẻ em năm 1924, đánh dấu lần đầu tiên khái niệm "quyền trẻ em" được đề cập trong pháp luật quốc tế.

Tiếp đó, Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (1948) và Tuyên ngôn về Quyền trẻ em (1959) đã mở rộng nội dung quyền trẻ em, nhấn mạnh sự bình đẳng và quyền phát triển toàn diện. Đặc biệt, Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em năm 1989 đánh dấu bước ngoặt khi khẳng định trẻ em là chủ thể của quyền, cần được pháp luật bảo vệ toàn diện để phát triển cả về thể chất lẫn tinh thần.

Dựa trên các công ước quốc tế, Việt Nam đã xây dựng hệ thống pháp luật bảo vệ quyền trẻ em, như Luật Trẻ em năm 2016. Trẻ em được coi là nhóm dễ bị tổn thương, cần được ưu tiên bảo vệ về chăm sóc, giáo dục và phát triển.

1.2.1.2 Khái niệm bảo vệ quyền trẻ em

Theo Công ước quốc tế về quyền trẻ em, quyền trẻ em được chia thành ba nhóm: quyền tham gia, quyền được bảo vệ, và quyền cung cấp. Các quốc gia phải nội luật hóa, thiết lập cơ chế thực thi và áp dụng chế tài đủ mạnh để bảo vệ quyền trẻ em. Bảo vệ quyền trẻ em là đảm bảo an toàn và phát triển toàn diện cho trẻ thông qua luật pháp, chính sách và biện pháp xử lý vi phạm quyền trẻ em.

1.2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.2.1. Khái niệm bảo vệ quyền trẻ em theo pháp luật hình sự

Bảo vệ quyền trẻ em là mục tiêu quan trọng của Việt Nam nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng và tạo môi trường sống an toàn, lành mạnh. Trong pháp luật hình sự, trẻ em được bảo vệ trên hai phương diện:

- *Trẻ em là đối tượng bị tác động bởi tội phạm* – Pháp luật xác định các hành vi nguy hại đối với trẻ em là tội phạm và quy định hình phạt cụ thể.
- *Trẻ em là chủ thể của tội phạm* – Pháp luật quy định trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm và biện pháp xử lý đặc biệt đối với trẻ em phạm tội.

Bảo vệ quyền trẻ em trong pháp luật hình sự là sử dụng các quy định pháp lý để bảo vệ quyền cơ bản của trẻ, ngăn chặn và xử lý hành vi xâm phạm quyền trẻ em.

1.2.2. Tầm quan trọng của luật hình sự trong vấn đề bảo vệ quyền trẻ em

Luật hình sự là công cụ mạnh mẽ và hiệu quả nhất để bảo vệ quyền trẻ em, đặc biệt đối với các hành vi xâm phạm nghiêm trọng, nhờ các quy định rõ ràng và chế tài phù hợp với mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

1.2.3. Các cách thức bảo vệ quyền trẻ em trong pháp luật hình sự

Bảo vệ quyền trẻ em bằng pháp luật hình sự (PLHS) là cơ chế hiệu quả nhờ tính răn đe và xử lý nghiêm khắc đối với các hành vi xâm phạm. PLHS thực hiện thông qua ba phương thức chính:

1. **Tội phạm hóa** – Xác định và trừng phạt các hành vi xâm phạm quyền trẻ em với chế tài nghiêm khắc để răn đe, ngăn chặn và bảo vệ trẻ em khỏi tổn thương.
2. **Ưu tiên tư pháp** – Áp dụng chính sách xử lý đặc biệt đối với trẻ em phạm tội, bao gồm miễn hoặc giảm trách nhiệm hình sự nhằm giáo dục, hướng thiện và bảo đảm sự phát triển của trẻ.
3. **Phi tội phạm hóa** – Loại bỏ những hành vi không còn nguy hiểm hoặc làm hạn chế quyền trẻ em, chuyển sang xử lý bằng biện pháp nhẹ hơn, phi hình sự.

PLHS là công cụ bảo vệ mạnh mẽ và đặc thù cho quyền trẻ em, giúp phòng ngừa, xử lý tội phạm và thúc đẩy môi trường pháp lý an toàn, nhân văn cho sự phát triển toàn diện của trẻ em.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 1

Chương 1 đã làm sáng tỏ các vấn đề lý luận về khái niệm trẻ em, quyền trẻ em, bảo vệ các quyền dễ bị tổn thương của trẻ em.

Trẻ em là nhóm đối tượng đặc biệt trong xã hội và nhóm người dễ bị tổn thương nên các quyền của trẻ em vì thế dễ bị xâm hại và cần được bảo vệ hơn. Việc bảo vệ các quyền trẻ em theo pháp luật hình sự được thực hiện ở 2 mặt: trẻ em là đối tượng bị các chủ thể khác xâm hại và trẻ em là chủ thể của tội phạm.

Bảo vệ quyền trẻ em bằng PLHS được thực hiện qua 3 phương thức: thứ nhất, tội phạm hóa và đe dọa trừng phạt những hành vi xâm phạm quyền con người dễ bị tổn thương của trẻ em; thứ hai, quy định những vấn đề liên quan đến TNHS và biện pháp xử lý thể hiện quyền ưu tiên tư pháp của người phạm tội là trẻ em; thứ ba, phi tội phạm hóa những hành vi mà cấu thành của nó hạn chế quyền con người của trẻ em.

Để PLHS đủ sức mạnh bảo vệ quyền con người của trẻ em thì PLHS đó phải được xây dựng trên một chính sách PLHS thể hiện những định hướng, yêu cầu trong bảo vệ quyền con người của trẻ em đồng thời phải tuân thủ chuẩn mực quốc tế và phù hợp điều kiện quốc gia.

Những cơ sở lý luận được trình bày trong chương I là nền tảng để phân tích sâu hơn về các biện pháp bảo vệ quyền trẻ em trong các chương tiếp theo, bao gồm việc đánh giá cụ thể các quy phạm pháp luật hiện hành và đề xuất hoàn thiện khung pháp lý nhằm tăng cường hiệu quả bảo vệ quyền trẻ em trong thực tiễn.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT BẢO VỆ TRẺ EM THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Công trình sử dụng phương pháp phân tích các quy định của pháp luật hiện hành và sử dụng một số bản án để làm sáng tỏ thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật hình sự để bảo vệ trẻ em. Qua đó, nhận diện một số ưu điểm cũng như hạn chế của pháp luật hiện hành.

2.1. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM

2.1.1. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam dưới góc độ trẻ em là đối tượng bị xâm hại

2.1.1.1 Bảo vệ quyền sống của trẻ em theo pháp luật hình sự

Pháp luật Việt Nam, đặc biệt Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015, đề cao quyền sống của trẻ em như một yếu tố quan trọng cho sự phát triển và bền vững của xã hội. BLHS hình sự hóa các hành vi xâm hại hoặc đe dọa xâm hại đến tính mạng của trẻ em và quy định mức hình phạt cụ thể đối với các tội danh này.

Quyền sống là “quyền tối cao” gắn liền với “tự do và an ninh cá nhân” và được bảo vệ tuyệt đối. Điều 124 BLHS quy định người mẹ nào giết hoặc vứt bỏ con trong 7 ngày tuổi sẽ bị xử lý hình sự với mức phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm (nếu đứa trẻ không chết) và từ 3 tháng đến 2 năm hoặc cải tạo không giam giữ đến 2 năm (nếu đứa trẻ chết).

BLHS cũng tội phạm hóa hành vi đe dọa quyền sống của trẻ em với lỗi vô ý, như:

- **Điều 127:** Làm chết người trong khi thi hành công vụ.
- **Điều 128:** Vô ý làm chết người.
- **Điều 129:** Vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc hành chính.

Tùy tính chất hành vi, hình phạt chính có thể lên đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình. Hình phạt bổ sung bao gồm cấm hành nghề, quản chế hoặc cấm đi khỏi nơi cư trú.

2.1.2.2 Bảo vệ quyền an toàn tình dục của trẻ em

Trẻ em là đối tượng ưu tiên cần được bảo vệ. Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng trong pháp luật nhằm bảo vệ trẻ em khỏi xâm hại tình dục, đặc biệt qua Luật Trẻ em 2016 và Bộ luật Hình sự (BLHS) 2015.

BLHS 2015 quy định 5 tội danh về xâm hại tình dục trẻ em: Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi (Điều 142); Cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 144); Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 145); Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi (Điều 146); Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm (Điều 147).

Bộ luật Hình sự 2015 quy định các hình phạt nghiêm khắc đối với hành vi xâm hại tình dục trẻ em, bao gồm tù từ 6 tháng đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình tùy tính chất vi phạm. Các tội danh như hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu, dâm ô và sử dụng trẻ em vào mục đích khiêu dâm đều bị xử lý chặt chẽ với hình phạt bổ sung cấm hành nghề hoặc đảm nhiệm

chức vụ từ 1–5 năm. Quy định này thể hiện tính răn đe cao, đảm bảo môi trường an toàn cho trẻ em.

2.1.2.3 Bảo vệ quyền tự do an ninh của trẻ em

Bộ luật Hình sự 2015 quy định 3 tội danh xâm phạm quyền tự do và an ninh cá nhân của trẻ em, gồm: Tội mua bán người dưới 16 tuổi (Điều 151), Tội đánh tráo người dưới 01 tuổi (Điều 152), và Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi (Điều 153).

BLHS 2015 cụ thể hóa độ tuổi nạn nhân và tình tiết tăng nặng như lợi dụng chức vụ, gây thương tích, rối loạn tâm thần hoặc làm nạn nhân chết. Tội mua bán người dưới 16 tuổi được thiết kế phù hợp với Nghị định thư Palermo, phân biệt rõ hành vi vì mục đích nhân đạo không bị coi là tội phạm. Tội đánh tráo và chiếm đoạt người dưới 16 tuổi được mở rộng dấu hiệu định tội và khung hình phạt để đảm bảo tính răn đe và xử lý hiệu quả hơn so với BLHS 1999. Những sửa đổi này thể hiện tính minh bạch và phù hợp với các chuẩn mực quốc tế trong bảo vệ trẻ em.

**** Về hình phạt***

Bộ luật Hình sự 2015 quy định các hình phạt nghiêm khắc đối với tội mua bán, đánh tráo và chiếm đoạt trẻ em nhằm bảo vệ quyền tự do và an ninh của trẻ. Mức phạt cao nhất là tù chung thân cho tội mua bán người dưới 16 tuổi, trong khi tội đánh tráo và chiếm đoạt có mức phạt từ 2–15 năm tù, kèm phạt tiền từ 10–200 triệu đồng. Ngoài ra, BLHS còn tội phạm hóa hành vi mua bán, chiếm đoạt mô và bộ phận cơ thể với mức án tối đa là tù chung thân, nhấn mạnh sự bảo vệ đặc biệt đối với trẻ em—nhóm dễ bị tổn thương về thể chất và tâm lý.

2.1.2.4 Bảo vệ quyền được chăm sóc, phát triển lành mạnh của trẻ em.

Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển lành mạnh là quyền cơ bản của trẻ em, được Hiến pháp 2013 và Luật Trẻ em 2016 ghi nhận và bảo vệ. Bộ luật Hình sự 2015 đã tội phạm hóa các hành vi xâm hại như Tội từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng (Điều 186), hoặc hành vi sử dụng trẻ em trong tội phạm ma túy tại các Điều 250, Điều 251, Điều 252 hoặc hành vi dụ dỗ ép buộc trẻ em phạm pháp tại Điều 325 với mức phạt tối đa lên đến 15 năm tù. Ngoài ra, hành vi truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy cho trẻ em tại Điều 326 bị xử lý nghiêm khắc với mức phạt cao nhất là 10 năm tù, thể hiện chính sách bảo vệ trẻ em nhất quán và toàn diện.

2.1.2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam dưới góc độ trẻ em là tội phạm

2.1.2.1 Về tuổi và phạm vi chịu trách nhiệm hình sự

Thứ nhất, về tuổi chịu trách nhiệm hình sự của trẻ em. Theo Bộ luật hình sự năm 2015, trẻ em không phải là đối tượng bị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tất cả các hành vi phạm tội. Chỉ những hành vi phạm tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng được liệt kê trong Bộ luật hình sự mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Thứ hai, về miễn trách nhiệm hình sự đối với trẻ em: Điều 29 BLHS năm 2015 đã quy định cụ thể hơn các trường hợp miễn TNHS đối với trẻ em phạm tội.

BLHS 2015 đã cụ thể hóa các trường hợp miễn TNHS cho trẻ em phạm tội, đồng thời không xem hành vi nguy hiểm do trẻ thực hiện nhưng không thuộc phạm vi chịu TNHS là căn cứ miễn TNHS.

2.1.2.2 Về nguyên tắc xử lý trẻ em phạm tội

Về nguyên tắc áp dụng biện pháp xử lý trẻ em phạm tội:

Bước 1: Xem xét có thuộc trường hợp được miễn TNHS hay không?

Bước 2: Trường hợp 1: Nếu thuộc trường hợp được miễn TNHS thì cân nhắc lựa chọn biện pháp thay thế kèm theo; trường hợp 2: nếu không thuộc trường hợp được miễn TNHS thì ưu tiên áp dụng các biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng trước, nếu trong trường hợp thấy rằng việc áp dụng các biện pháp nêu trên không đảm bảo hiệu quả giáo dục, phòng ngừa thì mới áp dụng hình phạt với trẻ em phạm tội. Ngay cả khi buộc phải áp dụng hình phạt thì chỉ áp dụng các hình phạt nhất định trong hệ thống hình phạt được BLHS quy định đối với người đã thành niên phạm tội.

2.1.2.3 Các biện pháp xử lý trẻ em phạm tội

Thứ nhất, các biện pháp giám sát, giáo dục bao gồm: khiển trách, hòa giải tại cộng đồng hoặc biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Thứ hai, biện pháp tư pháp.

Thứ ba, hình phạt.

Với mục đích xử lý trẻ em phạm tội nhằm giáo dục các em nên theo nguyên tắc thứ tự áp dụng các biện pháp xử lý trẻ em phạm tội thì hình phạt là phương án cuối cùng.

2.2. THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM TẠI ĐÀ NẴNG

2.2.1. Thực tiễn thực hiện pháp luật bảo vệ trẻ em dưới góc độ trẻ em là đối tượng bị xâm hại

2.2.1.1 Một số kết quả đạt được trong việc bảo vệ trẻ em bị xâm hại bằng pháp luật hình sự tại Đà Nẵng

Theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thì các tội danh xâm hại trẻ em chủ yếu là các tội xâm hại tình dục trẻ em. Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/04/2023 Tòa án nhân dân hai cấp thành phố Đà Nẵng đã thụ lý theo trình tự sơ thẩm đối với 37 vụ án thuộc nhóm tội xâm hại trẻ em. Cụ thể như sau:

- Tổng số trẻ em bị xâm hại: 37 trẻ em (37 vụ).
- Số trẻ em và độ tuổi của trẻ em bị xâm hại theo từng hình thức được quy định tại Điều 4 và các điều khác của Luật trẻ em gồm:
 - + Bạo lực: 05 (các tội Giết người, Cố ý gây thương tích).
 - + Bóc lột: Không có.
 - + Xâm hại tình dục: 32 trẻ em (dưới 12 tuổi: 8, từ 13 đến dưới 16 tuổi: 24).
 - + Mua bán: Không có.
 - + Bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em: Không có.
 - + Các hình thức xâm hại khác: Bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em; Tổ chức, hỗ trợ, xúc giục, ép buộc trẻ em tảo hôn;

+ Các hành vi xâm hại khác...: Không có.

Trong đã đã giải quyết được 35 vụ và còn 02 vụ đang giải quyết. Cũng theo Báo cáo số 381 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thì không có vụ án nào bị hủy hoặc bị sửa do sai. Từ số liệu thống kê trên, có thể thấy rằng các vụ án xâm hại trẻ em tại Đà Nẵng chủ yếu là án xâm hại tình dục, nạn nhân của hành vi xâm hại là trẻ em gái. Ngoài ra, có 03 vụ án giết người, 02 vụ án cố ý gây thương tích có bị hại là trẻ em. Nhìn chung, trong các vụ án mà Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thụ lý thì người vi phạm chủ yếu là người thân, người quen và hàng xóm của người bị hại.

Từ những số liệu thống kê của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, có thể thấy rằng nhóm tội phạm xâm hại tình dục trẻ em chiếm tỉ lệ cao nhất cho thấy mức độ nghiêm trọng của nhóm tội phạm này. Ngoài ra, phương thức thủ đoạn xâm hại rất đa dạng. Các con số thống kê ngày càng thể hiện sự nỗ lực của các cơ quan nhà nước trong việc bảo vệ trẻ em. Tuy nhiên, con số thực tế chắc chắn cao hơn rất nhiều bởi vì đặc thù của nhóm tội danh này, nạn nhân thường có tâm lý lo sợ nên im lặng không tố cáo.

2.2.1.2 Một số vụ việc điển hình được xét xử tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

Vụ việc 1: Theo bản án số 10/2021/HS-ST-CTN ngày 29 tháng 11 năm 2021 do Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng..

Vụ việc 2: Theo bản án số 02/2021/HSST-CTN ngày 01 tháng 4 năm 2011 do Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử.

Vụ việc 3: Theo bản án số 04/2023/HSST-CTN ngày 04 tháng 5 năm 2023 do Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử.

Từ những vụ việc được nêu ở trên, có thể rút ra một số tồn tại trong hoạt động xét xử như sau:

Thứ nhất, việc định tội danh, trong cả 3 vụ việc nêu trên, các tội danh đã được định đúng theo quy định của BLHS năm 2015, các bản án đã thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật trong việc xử lý tội phạm xâm hại trẻ em.

Thứ hai, Về hình phạt: Theo tác giả, đối với vụ việc 1 và vụ việc 2, mức hình phạt nghiêm khắc và phù hợp. Đối với vụ việc 3, chưa phản ánh đầy đủ tính nghiêm trọng của vụ việc và tác động lâu dài nên nạn nhân là trẻ em.

Ngoài ra, mức bồi thường trong các vụ án xâm phạm trẻ em hiện nay còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng đủ chi phí cần thiết cho việc điều trị tâm lý, giáo dục, và phục hồi nạn nhân.

2.2.1.3 Nhận xét, đánh giá về tình hình xâm hại trẻ em

Thứ nhất, do các bậc cha mẹ, gia đình, người chăm sóc trẻ thiếu hiểu biết.

Thứ hai, công tác truyền thông, giáo dục, vận động còn hạn chế.

Thứ ba, do tác động của các trang mạng xã hội.

Thứ tư, kiến thức pháp luật của người dân còn hạn chế.

Thứ năm, chưa có cơ chế giám sát để ngăn chặn tình trạng trẻ em bị xâm hại kể cả giám sát việc xử lý các hành vi xâm phạm đến trẻ em.

Thứ sáu, việc tố cáo, điều tra thu thập, chứng cứ trong hoạt động điều tra về tội phạm

xâm hại trẻ em, còn gặp nhiều khó khăn.

2.2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật bảo vệ trẻ em dưới góc độ trẻ em là tội phạm

2.2.2.1 Một số kết quả đạt được trong việc bảo vệ trẻ em bị xâm hại bằng pháp luật hình sự tại Đà Nẵng

Theo báo cáo về tình hình chấp hành pháp luật của người chưa thành niên của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thì từ năm 2021 đến năm 2023, TAND TP Đà Nẵng đã thụ lý 275 vụ án. Trong đó, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là 213 vụ trong đó có 695 bị cáo và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là 62 vụ trong đó có 59 bị cáo.

Có thể thấy rằng, tình trạng trẻ em phạm tội đang có chiều hướng tăng cả về số lượng vụ án và mức độ phạm tội. Trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, nhiều vụ án đặc biệt nghiêm trọng, do các bị cáo đang ở độ tuổi chưa thành niên phạm tội đơn lẻ hoặc các vụ án có đồng phạm là trẻ em.

2.2.3. Một số hạn chế trong công tác bảo vệ quyền trẻ em tại Đà Nẵng

2.2.3.1 Hạn chế từ những quy định của Bộ luật hình sự

Thứ nhất, hạn chế trong việc xác định TNHS đối với trẻ em phạm tội: *Sai lầm trong định tội danh hoặc định tội danh đúng nhưng phạm vi TNHS sai.*

Thứ hai, hình phạt áp dụng còn nặng.

Thứ ba, xác định độ tuổi không chính xác

2.3.2.2 Hạn chế trong thủ tục tố tụng hình sự đối với những vụ án liên quan đến trẻ em

Các vụ án hình sự liên quan đến trẻ em, đặc biệt là xâm hại tình dục, đặt ra nhiều thách thức lớn cho các cơ quan tố tụng vì tính chất đặc thù của nạn nhân và hành vi phạm tội. Để thực hiện đồng bộ những vấn đề này đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ từ các cơ quan chức năng cùng sự tham gia tích cực của xã hội để đảm bảo quyền lợi của trẻ em và ngăn chặn hiệu quả các hành vi xâm hại trong tương lai.

2.3.2.3 Hạn chế trong việc phối hợp giáo dục trẻ em từ phía gia đình, nhà trường và xã hội

Thứ nhất, tình trạng trẻ em phạm tội phần lớn do môi trường giáo dục từ gia đình.

Thứ hai, công tác giáo dục pháp luật trong nhà trường đã được triển khai nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, hiệu quả chưa cao.

Thứ ba, các cơ quan chức năng chưa thực sự chú ý tới công tác phòng ngừa trẻ em phạm tội, chỉ tập trung vào việc trừng phạt nên tính hiệu quả không cao.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Chương 2 đã tập trung phân tích hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam về bảo vệ quyền trẻ em, qua đó làm rõ mức độ tương thích của các quy định này với các điều ước và hiệp ước quốc tế liên quan. Hệ thống quy phạm pháp luật hiện hành được đánh giá là tương đối đầy đủ và phù hợp với các chuẩn mực quốc tế. Tuy nhiên, trước sự phát triển nhanh chóng của công nghệ và Internet, các hành vi xâm phạm quyền trẻ em ngày càng diễn biến phức tạp và tinh vi hơn.

Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát thực trạng pháp luật hình sự và thực tiễn áp dụng tại thành phố Đà Nẵng để làm sáng tỏ ba nội dung chính:

1. Quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về bảo vệ trẻ em.
2. Các hành vi xâm hại trẻ em phổ biến.
3. Nguyên nhân khiến việc thực thi pháp luật hình sự bảo vệ trẻ em chưa đạt hiệu quả cao.

Qua phân tích, đề tài đã chỉ ra một số vấn đề cả về mặt khách quan lẫn chủ quan, bao gồm hạn chế trong việc áp dụng luật pháp hiện hành, năng lực thực thi của cơ quan chức năng, cũng như ảnh hưởng từ các yếu tố xã hội và công nghệ. Những phát hiện này đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng các kiến nghị cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật hình sự bảo vệ trẻ em, được trình bày trong chương tiếp theo.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG, CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM

Trên cơ sở các phân tích tại chương 2 của Báo cáo, tác giả nêu một số kiến nghị, giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ quyền trẻ em tại Việt Nam như sau:

3.1. ĐỊNH HƯỚNG, CÁC GIẢI PHÁP HOÀN CẢNH CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM

3.1.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam dưới góc độ trẻ em là chủ thể bị xâm phạm

Hoàn thiện pháp luật hình sự về bảo vệ quyền sống của trẻ em

Sửa đổi cách tính thời gian phạm tội của hành vi giết con mới đẻ theo Điều 124 BLHS.

Xác định rõ độ tuổi trẻ em là nạn nhân trong Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 125) giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 126) trong BLHS năm 2015.

Hoàn thiện pháp luật hình sự về bảo vệ quyền an toàn tình dục của trẻ em

Một là, tội phạm hóa một số hành vi xâm phạm quyền an toàn tình dục của trẻ em

Hai là, tăng độ tuổi bảo vệ tuyệt đối trẻ em trước hành vi xâm hại tình dục có mục đích giao cấu

Ba là, sửa đổi tình tiết phạm tội với phụ nữ mà biết là có thai trong các khung tăng nặng TNHS của các tội phạm cụ thể.

3.1.2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam điều chỉnh chủ thể phạm tội là trẻ em

3.1.2.1. Hoàn thiện pháp luật hình sự về bảo vệ quyền ưu tiên tư pháp của trẻ em

Xây dựng Luật Tư pháp người chưa thành niên

Sửa đổi phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của trẻ em

3.2. ĐỊNH HƯỚNG, CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT KHÁC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN TRẺ EM

3.2.1. Tăng tuổi trẻ em lên 18 tuổi

Kiến nghị tăng độ tuổi trẻ em theo Điều 1 Luật trẻ em năm 2016 theo hướng “trẻ em là người dưới 18 tuổi”.

3.2.2. Bổ sung quy định của BLTTHS về người đại diện đương nhiên cho trẻ em trong các vụ án hình sự

Đề xuất bổ sung thêm đối tượng đại diện cho trẻ em phạm tội bên cạnh người đại diện như pháp luật quy định hiện nay bổ sung thêm giáo viên hoặc nhân viên công tác xã hội trở thành người đại diện thứ hai cho các em.

3.2.3. Mở rộng mô hình Tòa án gia đình và người chưa thành niên trong cả nước và thành lập các thiết chế tư pháp khác

Ưu tiên tổ chức Tòa gia đình và người chưa thành niên tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh và bổ nhiệm thẩm phán chuyên trách về gia đình và người chưa thành niên tại tòa án nhân dân cấp huyện ở những địa phương có nhiều vụ án xâm hại, bạo hành trẻ em; Ngoài ra, kiến nghị bổ sung mỗi tòa chuyên trách này ít nhất 01 cán bộ công tác xã hội đặc biệt là những người có kiến thức về tâm lý về trẻ em .

3.3. CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM

3.3.1. Nâng cao vai trò của người tiến hành tố tụng

Cần nâng cao vai trò của người tiến hành tố tụng trong các vụ án hình sự có trẻ em tham gia. Đối với cán bộ có nhiệm vụ điều tra, truy tố, xét xử cần được đào tạo và có kinh nghiệm trong xử lý các vụ án về xâm phạm quyền trẻ em cũng như các vụ án mà trẻ em phạm tội.

3.3.2. Tăng cường sức mạnh của các thiết chế tư pháp

Với chức năng nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, các cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án, cơ quan thi hành án trong phạm vi quyền hạn của mình có trách nhiệm phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi xâm phạm quyền trẻ em trên nguyên tắc tuân thủ pháp luật và lợi ích tốt nhất cho trẻ, đặc biệt cần thực hiện nghiêm các quy định về người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị hại, đương sự... để đảm bảo các em được hỗ trợ về pháp lý, tâm lý.

3.3.3. Tăng cường hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ trẻ em. kiến thức kỹ năng phòng, chống xâm hại trẻ em

Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về bình đẳng giới, phòng chống xâm hại trẻ em, tổ chức nhiều hình thức, hoạt động nhiều mô hình khác nhau ở nhiều địa bàn khác nhau, nội dung phong phú, sát với thực tế để đem lại hiệu quả cao.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Chương 3 đã đánh giá một cách khách quan về thực trạng pháp luật hình sự Việt Nam trong việc bảo vệ quyền trẻ em. Nghiên cứu cho thấy hệ thống pháp luật đã có những bước tiến đáng kể trong những năm gần đây và tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế về bảo vệ trẻ em. Tuy nhiên, hệ thống quy phạm pháp luật vẫn tồn tại nhiều bất cập, thiếu đồng bộ, và cần được điều chỉnh để đáp ứng tốt hơn yêu cầu thực tiễn, đặc biệt trong bối cảnh hành vi xâm hại trẻ em gia tăng và tình trạng trẻ em phạm tội đang ngày càng trẻ hóa.

Trên cơ sở phân tích những điểm mạnh và điểm yếu của pháp luật hình sự hiện hành, nghiên cứu đã đưa ra các kiến nghị cụ thể nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ trẻ em. Đặc biệt, các biện pháp tăng cường hoạt động kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước, cũng như đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật, được đề xuất để hỗ trợ việc thực thi pháp luật một cách hiệu quả hơn.

Tổng kết lại, nghiên cứu đã làm sáng tỏ các vấn đề pháp lý và thực tiễn liên quan đến bảo vệ trẻ em, từ đó đề xuất giải pháp khả thi nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi. Những đóng góp này không chỉ mang tính lý luận mà còn có giá trị thực tiễn, hướng đến mục tiêu bảo vệ quyền trẻ em một cách toàn diện và bền vững trong tương lai.

KẾT LUẬN

Đề tài đã tập trung phân tích cơ sở pháp lý và thực trạng bảo vệ quyền trẻ em trong lĩnh vực hình sự tại Việt Nam, đặc biệt là thành phố Đà Nẵng. Kết quả nghiên cứu đã làm sáng tỏ những điểm mạnh và hạn chế trong hệ thống pháp luật hiện hành, đồng thời đánh giá hiệu quả thực thi pháp luật nhằm bảo vệ trẻ em trước các hành vi xâm hại.

Pháp luật hình sự Việt Nam đã quy định đầy đủ về các tội phạm liên quan đến xâm hại trẻ em, bảo đảm quyền sống, phát triển, và được bảo vệ khỏi bạo lực, bóc lột. Các cam kết quốc tế như Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền Trẻ em đã được nội luật hóa và áp dụng tại Việt Nam tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác bảo vệ trẻ em.

Thành phố Đà Nẵng là một ví dụ điển hình về việc triển khai các biện pháp bảo vệ trẻ em, thông qua hoạt động của các cơ quan chức năng và sự tham gia tích cực của cộng đồng. Tuy nhiên, thực trạng tại địa phương này vẫn ghi nhận các vấn đề như bạo lực gia đình, lạm dụng tình dục và lao động trẻ em. Một số vụ án đã được xử lý nghiêm minh nhưng vẫn đặt ra thách thức lớn về sự phối hợp và năng lực thực thi.

Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, mặc dù hệ thống pháp luật đã có nhiều tiến bộ, việc thực thi còn gặp khó khăn do nhận thức xã hội chưa đồng đều, sự phối hợp chưa chặt chẽ giữa các cơ quan thực thi pháp luật, và thiếu nguồn lực hỗ trợ nạn nhân.

Trên cơ sở phân tích, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ trẻ em trong lĩnh vực hình sự, bao gồm:

1. Tăng cường công tác tuyên truyền và giáo dục pháp luật về quyền trẻ em.
2. Cải thiện và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan để phù hợp với tình hình thực tiễn và chuẩn mực quốc tế.
3. Nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ cho các cơ quan thực thi pháp luật.
4. Đẩy mạnh cơ chế giám sát và phối hợp giữa các cơ quan chức năng.
5. Phát triển hệ thống hỗ trợ tâm lý, pháp lý và xã hội cho trẻ em là nạn nhân của các vụ xâm hại.

Tổng kết lại, nghiên cứu này không chỉ góp phần làm rõ các vấn đề pháp lý và thực tiễn về bảo vệ quyền trẻ em mà còn đưa ra những giải pháp thiết thực, hướng đến việc hoàn thiện khung pháp lý và nâng cao năng lực thực thi. Qua đó, đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho trẻ em, góp phần xây dựng một môi trường an toàn và lành mạnh cho sự phát triển của thế hệ tương lai.